

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Công trình thủy lợi

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Võ Công Hoang

2. Ngày tháng năm sinh: 02/11/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 04-08 chung cư B1-Trường Sa, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bộ môn Kỹ thuật công trình, Trường Đại học Thủy lợi – Cơ sở 2, số 02 đường Trường Sa, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0914804899;

E-mail: hoangvc@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2006 đến năm 2018: Giảng viên, tại Bộ môn Kỹ thuật công trình, trường Đại học Thủy lợi – Cơ sở 2

Từ năm 2018 đến năm 2020: Phó Viện trưởng, Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật công trình, trường Đại học Thủy lợi – Cơ sở 2; Viện Thủy lợi và Môi trường, trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ: Hiện nay: Phó Viện trưởng, Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thủy lợi – Cơ sở 2; Viện Thủy lợi và Môi trường, trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: Số 02 đường Trường Sa, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi – Cơ sở 2

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 07 năm 2006, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Công trình thủy

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 6 năm 2010, ngành: Xây dựng, chuyên ngành: Thủy lực và Môi trường

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Kỹ thuật Nanyang, Singapore

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 9 năm 2016, ngành: Xây dựng, chuyên ngành: Công trình thủy

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tohoku, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Quản lý bùn cát tổng hợp từ lưu vực đến vùng cửa sông, bờ biển và các vấn đề diễn biến hình thái liên quan thông qua phân tích số liệu thực đo, quan trắc, ảnh vệ tinh viễn thám và mô hình thủy động lực học, vận chuyển bùn cát.
- Ứng dụng kết quả nghiên cứu và các công nghệ quản lý, thiết kế, thi công tiên tiến trong xây dựng các công trình thủy lợi, công trình bảo vệ bờ, phòng chống thiên tai.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 49 bài báo KH, trong đó 5 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống lành mạnh. Điều này được thể hiện rõ ràng qua 14 năm công tác tại trường. Để đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như ngoại ngữ và tin học, phục vụ công tác giảng dạy, bản thân ứng viên đã có những cố gắng vượt bậc, hoàn thành các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ tại các đại học uy tín trên thế giới.
- Trong công tác giảng dạy, ứng viên luôn trau dồi, xây dựng phong cách mẫu mực của một nhà giáo, có phương pháp sư phạm tốt; Luôn nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, vị trí, yêu cầu của môn học được phân công giảng dạy, các quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập. Trong công tác giảng dạy, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ đạt kết quả cao và luôn hoàn thành vượt khối lượng theo quy định của Nhà trường (Bảng 1.1 và 1.2). Ngoài ra ứng viên cũng luôn tích cực trong các hoạt động đoàn thể và các hoạt động khác như tuyển sinh, chủ nhiệm lớp, hướng dẫn thực tập.
- Trong công tác nghiên cứu, tham gia phục vụ sản xuất, ứng viên đã và đang tham gia và chủ trì nội dung chính (đề tài nhánh) của các đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chủ trì các đề tài cấp cơ sở. Ứng viên đã báo cáo các nội dung nghiên cứu khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (15 bài báo hội nghị quốc tế, 3 bài báo hội nghị trong nước); công bố 31 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước uy tín (29 bài báo và 02 chương sách chuyên khảo). Trong đó có 06 bài báo và 02 chương sách trên các tạp chí quốc tế rất uy tín (Bảng 1.3 và 1.5) mà ứng viên luôn là tác giả đầu (chịu trách nhiệm chính) hoặc tác giả độc lập. Tất cả các bài báo này đều được công bố sau khi ứng viên đã hoàn thành chương trình tiến sĩ. Rất nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng trong các công trình thực tế.
- Bên cạnh đó, ứng viên luôn không ngừng học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, phương pháp giảng dạy để tăng cường năng lực công tác đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bổ sung kiến thức thực tiễn vào bài giảng.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cá nhân tự đánh giá là đạt tiêu chuẩn và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2008-2009				13	323		505/256
2	2011-2012				7	394		492/280
3	2016-2017					402		402/243
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	12	221		389/270
5	2018-2019			5	15	382	15	607,5/205
6	2019-2020			2		302	15	333/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Singapore và Mỹ năm 2010 và Nhật Bản năm 2016 năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Được đào ở nước ngoài

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Nam Phong		X	X		10/2017 đến 04/2018	Trường Đại học Thủy lợi	21/02/2019
2	Huỳnh Ngọc Nghĩa		X	X		10/2017 đến 04/2018	Trường Đại học Thủy lợi	21/02/2019
3	Quách Hoàng Đẹp		X		X	05/2018 đến 11/2018	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019
4	Trần Hoàng Hợp		X		X	05/2018 đến 11/2018	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019

5	Trần Minh Hồ		X	X		05/2018 đến 11/2018	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019
6	Huỳnh Trung Hòa		X		X	05/2018 đến 11/2018	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019
7	Phan Thị Liễu Châu		X		X	10/2017 đến 05/2018	Trường Đại học Thủy lợi	27/5/2019
8	Lê Viễn Chi		X	X		10/2017 đến 07/2018	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019
9	Nguyễn Hoàng Gia Phú		X		X	06/2018 đến 12/2018	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	--	---------------------------------------	------------------	-------------	--	--

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Chapter 11: Post-tsunami lagoon morphology restoration	CK	Springer, năm 2016	3	CB		
2	Chapter 22: The Yamamoto Coast over 5 years; the reconstruction of an embankment with tsunami-induced embayment	CK	Springer, năm 2018	5	CB		

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 2

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Diễn biến hình thái cửa sông Trà Khúc, Quảng Ngãi	CN	01, cấp Cơ sở	01/01/2017 đến 31/12/2017	25/12/2017/ Khá

2	Đánh giá diễn biến hình thái bờ biển và cửa sông Đà Rằng, Phú Yên bằng ảnh vệ tinh và hàm chắn và lẻ	CN	02, cấp Cơ sở	01/01/2018 đến 31/12/2018	25/3/2019/Khá
---	--	----	---------------	---------------------------	---------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Morphology changes on Sendai coast after the 2011 Great East-Japan earthquake tsunami	4	Không	Journal of Japan Society of Civil Engineers (JSCE), Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		69, I_611-I_615	2013

2	Sandspit intrusion into a river mouth after the Great East Japan tsunami	4	Không	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		69, I_616-I_620	2013
3	Analysis of shoreline behavior on Sendai Coast before and after the 2011 tsunami	3	Có	Proceedings of the 34th International Conference on Coastal Engineering, Seoul, Korea Peer reviewed ISBN: 9781510821736			,	2014
4	Behavior of coastal and estuarine morphology on Sendai Coast after the 2011 Great East Japan earthquake tsunami	3	Có	Proceedings of the 19th IAHR-APD Congress 2014, Hanoi, Vietnam Peer reviewed ISBN: 978604821338-1			, 115	2014
5	Investigation of erosion mechanism on Nha Trang Coast, Vietnam	8	Có	Proceedings of the 19th IAHR-APD Congress 2014, Hanoi, Vietnam Peer reviewed ISBN: 978604821338-1			, 320	2014

6	Modification of littoral system due to the 2011 tsunami	4	Có	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		70, I_521-I_525	2014
7	Shoreline retreat due to sink effect in the vicinity to a river mouth scoured by the 2011 tsunami	3	Có	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		70, I_506-I_510	2014
8	Coastal morphological change due to the 2011 tsunami and subsequent recovery	3	Không	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		70, I_25-I_30	2014
9	Study on seasonal erosion of Nha Trang Coast in Vietnam	4	Có	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		70, I_1456-I_1460	2014

10	Theoretical study on the recovery process of the concave landform after the tsunami	3	Có	Journal of JSCE, Ser. B1 (Hydraulic Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-467X ISSN-L: 2185-467X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		71, I_31-I_36	2015
11	Theory for backfilling of tsunami-induced beach erosion	3	Có	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		71, I_635-I_640	2015
12	Morphological evolution of beach adjacent to the river mouth after the 2011 tsunami	3	Có	Proceedings of the 36th IAHR World Congress, The Hague, the Netherlands Peer reviewed ISBN: 9781510824348			,	2015
13	Shoreline change at the Da Rang River Mouth, Vietnam	4	Có	Proceedings of the 5th International Conference on Estuaries and Coasts, Muscat, Oman Peer reviewed	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 312-318	2015

14	Morphology change analysis through video monitoring on Nha Trang Coast, Vietnam	5	Không	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		71, I_413-I_418	2015
15	Analytical model for concave shoreline induced by the 2011 tsunami	3	Không	Procedia Engineering ISSN: 1877-7058	- Scopus IF: 1.04		126, 214-217	2015
16	Post-tsunami coastal morphology change on Sendai Coast, Japan	3	Không	Proceedings of the 5th International Conference on Estuaries and Coasts, Muscat, Oman Peer reviewed			, 20-22	2015
17	Erosion mechanism of Cua Dai Beach, Central Vietnam	4	Có	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		71, I_449-I_454	2015
18	Coastal morphology change and its relationship with climate characteristics on Nha Trang Coast, Vietnam	5	Không	Proceedings of the 5th International Conference on Estuaries and Coasts, Muscat, Oman Peer reviewed			, 159-164	2015

19	Evaluation of longshore sediment transport on Nha Trang Coast considering influence of northeast monsoon waves	5	Không	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		71, I_1681-I_1686	2015
20	Pre-and post-tsunami morphology changes on Kodanohama beach	5	Không	Proceedings of Vietnam-Japan Workshop, Hoi An, Vietnam Peer reviewed ISSN: 9786048-215316			, 152-157	2015
21	Analysis on erosion of beach adjacent to Cua Dai River mouth, Central Vietnam	6	Không	Proceedings of the 5th International Conference on Estuaries and Coasts, Muscat, Oman Peer reviewed			, 153-158	2015
22	Tidal correction method for shoreline extracted from Google Earth images	4	Có	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_61-I_66	2016

23	Recovery of tsunami-induced concave shoreline bounded by headlands	5	Có	Journal of JSCE, Ser. B1 (Hydraulic Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-467X ISSN-L: 2185-467X			72, I_367- I_372	2016
24	Interrelationship between serious shoreline retreat and sand terrace formation on Cua Dai beach, central Vietnam	4	Có	Journal of JSCE, Ser. B1 (Hydraulic Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-467X ISSN-L: 2185-467X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_361- I_376	2016
25	Study on seasonal variation of sediment movement on Nha Trang Coast, Vietnam	4	Không	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_67- I_72	2016
26	Relationship between estuary morphology change and sand terrace formation at the Da Rang River mouth, Vietnam	5	Có	Journal of JSCE, Ser. B3 (Ocean Engineering) J-STAGE Online ISSN: 2185-4688 ISSN-L: 2185-4688	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_892- I_897	2016

27	Study on mechanism of tsunami bay formation on Yamamoto Coast	5	Có	Journal of Japan Society for Natural Disaster	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		34, 309-317	2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
28	Long-term recovery of morphology on the northern part of Sendai Coast after the 2011 tsunami	3	Có	Proceedings of the Vietnam-Japan Workshop, Ho Chi Minh, Vietnam Peer reviewed ISBN: 978-604-73-4623-3			, 36-47	2016
29	Study on river mouth delta formation and recent beach erosion on Cua Dai Beach, Vietnam	5	Không	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_1657-I_1662	2016
30	Shifting of Da Rang River mouth and its relationship with erosion on adjacent sandy coast	6	Không	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_1663-I_1668	2016

31	Diễn biến hình thái vùng cửa sông Cửa Đại, Hội An theo chu kỳ dài hạn - Phần 1: Phân tích ảnh vệ tinh	3	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường ISSN: 1859-3941			54, 11-18	2016
32	Diễn biến hình thái vùng cửa sông Cửa Đại, Hội An theo chu kỳ dài hạn - Phần 2: Mối liên hệ giữa sự thay đổi thềm sông và xói lở bờ biển	3	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường ISSN: 1859-3941			54, 19-23	2016
33	Đánh giá tình hình xói lở bờ biển Cửa Đại, Hội An qua phân tích ảnh vệ tinh	3	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên năm 2016, Trường Đại học Thủy lợi Phân biện kín ISBN 978-604-82-1980-2			, 531-533	2016
34	Phân tích biến hình thái cửa sông Đà Rằng, Phú Yên bằng ảnh vệ tinh	4	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, Trường Đại học Thủy lợi ISSN: 1859-3941			55, 127-133	2016

35	Recovery of littoral system on Sendai Coast after the Great East Japan earthquake tsunami	3	Có	Journal of JSCE, Ser. B2 (Coastal Engineering) J-STAGE Online ISSN: 1883-8944 Print ISSN: 1884-2399	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		72, I_769-I_774	2016
36	Theoretical study on erosion at Cua Dai river delta coast induced by the reduction of sediment supply	3	Có	Conference on Coastal and Port Engineering in Developing Countries – IX PIANC-COPEDEC, Rio de Janeiro, Brazil Peer reviewed ISBN: 978-85-64964-09-9			,	2016
37	Backfilling of sandy coast breaching after the 2011 tsunami	5	Có	Proceedings of the 35th International Conference on Coastal Engineering, Antalya, Turkey Peer reviewed ISBN: 9781510844087			,	2016

38	Investigation of morphological change at the Cua Dai River mouth through satellite image analysis	3	Có	Proceedings of the 35th International Conference on Coastal Engineering, Antalya, Turkey Peer reviewed ISBN: 9781510844087			,	2016
39	Phân tích diễn biến hình thái Cửa Đại - sông Trà Khúc và Cửa Lở - sông Vệ, Quảng Ngãi theo thời đoạn dài hạn bằng ảnh vệ tinh	3	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên năm 2017, Trường Đại học Thủy lợi Phân biện kín ISBN 978-604-82-2274-1			, 12-14	2017
40	Phân tích diễn biến hình thái cửa sông Đà Rằng theo chu kỳ dài hạn bằng ảnh vệ tinh và hàm chấn - lè	3	Có	Tuyển tập Hội nghị Khoa học thường niên năm 2017, Trường Đại học Thủy lợi Phân biện kín ISBN 978-604-82-2274-1			, 6-8	2017
41	Evolution of river mouth delta responses to variable river sediment discharge and to shifting river mouth opening	5	Không	Journal of JSCE, Ser. A2 (Applied Mechanics) J-STAGE Online ISSN: 2185-4661 ISSN-L: 2185-4661	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		2 , 73, I_545-I_552	2017

42	A method for correcting tidal effect on shoreline position extracted from an image with unknown capture time	3	Có	Geosciences EISSN: 2076-3263	Geosciences EISSN: 2076-3263 - Scopus IF: 1.82		3 , 7, 62	2017
43	Đánh giá sự biến đổi hình thái cửa sông trà khúc, sông vệt và bờ biển lân cận, tỉnh Quảng Ngãi từ 1973 đến 2016	3	Có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 1859-4581			14, 30-36	2018
44	Evolution of Nobiru coast at decadal to centennial scales including the 2011 tsunami impact	3	Không	Conference on Coastal Engineering, Maryland, U.S Peer reviewed ISBN: 9781510895126			,	2018
45	Phương pháp hiệu chỉnh ảnh hưởng của thủy triều lên vị trí đường bờ trích xuất từ ảnh không rõ giờ chụp	2	Có	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường, Trường Đại học Thủy lợi ISSN: 1859-3941			60, 33-40	2018
46	Estuarine morphology recovery after the 2011 Great East Japan earthquake tsunami	3	Có	Marine Geology ISSN: 0025-3227	Marine Geology ISSN: 0025-3227 - SCI IF: 3.349		112-125, 112-125	2018

47	Longshore propagation erosion of beach in the vicinity of tsunami-induced concave shoreline	3	Có	Journal of Hydro-environment Research ISSN: 1570-6443	Journal of Hydro-environment Research ISSN: 1570-6443 - SCIE <i>IF</i> : 2.548		23, 1-9	2019
48	Long-term evolution of morphology at Loc An estuary, Vung Tau, Vietnam	1	Có	Marine Geodesy ISSN: 01490419	Marine Geodesy ISSN: 01490419 - SCIE <i>IF</i> : 0.962		2, 43, 163-188	2019
49	Morphological recovery of beach severely damaged by the 2011 great east Japan tsunami	3	Có	Estuarine, Coastal and Shelf Science ISSN: 0272-7714	Estuarine, Coastal and Shelf Science ISSN: 0272-7714 - SCI <i>IF</i> : 2.611		226, 106274	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	FY2017 JSPS Postdoctoral Fellowship for Research in Japan (Standard)	Japan Society for the Promotion of Science (JSPS)	JSPS/OF/345 ngày 10/01/2017	1

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)